

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4
Kèm theo quyết định số _____/QĐ-ĐHCT - Ký ngày _____
Học kỳ 2 - Năm học 2019-2020

Đơn vị: Khoa Ngoại ngữ

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1205639	Dương Khiết Minh	08/01/94	XH12V1A9		3.72	150	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		SS
2	B1606147	Hà Khả Ái	13/12/98	FL16V1A1	N	3.35	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
3	B1606154	Trương Hồng Hạnh	11/06/98	FL16V1A1	N	3.06	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
4	B1606158	Trương Kim Như Huỳnh	29/04/98	FL16V1A1	N	3.65	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
5	B1606170	Lê Trà Hạnh Nguyên	05/05/98	FL16V1A1	N	2.90	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
6	B1606182	Thạch Thị Phương Thảo	10/06/98	FL16V1A1	N	2.96	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
7	B1606184	Lâm Thị Bé Thơ	03/11/97	FL16V1A1	N	3.28	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
8	B1606185	Huỳnh Trang Thư	22/02/98	FL16V1A1	N	3.78	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
9	B1606194	Phan Ngọc Uyên	17/11/97	FL16V1A1	N	3.46	142	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
10	B1606209	Nguyễn Thị Hồng	07/11/98	FL16V1A2	N	3.39	144	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
11	B1606211	Nguyễn Phước Hưng	24/01/98	FL16V1A2		3.08	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
12	B1606240	Lê Thị Cẩm Tiên	02/07/98	FL16V1A2	N	3.56	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
13	B1606246	Trần Văn Tú	09/01/98	FL16V1A2		3.26	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
14	B1606247	Lê Thị Tường Vi	30/07/98	FL16V1A2	N	3.44	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
15	B1606248	Quách Thảo Vi	20/09/98	FL16V1A2	N	3.37	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
16	B1606249	Nguyễn Tô Thị Tường Vy	02/09/98	FL16V1A2	N	3.02	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
17	B1606250	Huỳnh Thị Yến	01/01/98	FL16V1A2	N	2.91	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
18	B1606252	Phạm Tuyết Anh	30/12/98	FL16V1A1	N	3.24	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
19	B1606253	Lê Phan Ngọc Minh Châu	20/08/97	FL16V1A1	N	3.41	142	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
20	B1606264	Trần Tiến Hưng	22/07/98	FL16V1A1		3.71	142	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
21	B1606266	Trần Da Lin	16/05/98	FL16V1A1	N	3.34	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
22	B1606269	Trần Nhật Minh	15/04/98	FL16V1A1		3.67	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
23	B1606270	Trần Hoàng Nam	10/12/98	FL16V1A1		3.67	141	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
24	B1606277	Nguyễn Thị Mộng Nhi	15/05/98	FL16V1A1	N	3.13	144	Khá	Ngôn ngữ Anh		
25	B1606285	Thạch Chanh Bô Rây	03/09/97	FL16V1A1		3.18	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
26	B1606293	Nguyễn Thị Thủy Tiên	29/12/98	FL16V1A1	N	3.12	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
27	B1606294	Lương Thị Thu Trang	22/06/98	FL16V1A1	N	3.67	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
28	B1606301	Nguyễn Quốc Việt	21/07/98	FL16V1A1		3.75	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
29	B1606305	Trần Thị Trâm Anh	31/05/98	FL16V1A2	N	3.27	142	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
30	B1606307	Nguyễn Kiên Cường	26/02/97	FL16V1A2		3.64	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh		
31	B1606311	Kim Sơn Đa Lin	02/04/97	FL16V1A2	N	2.74	142	Khá	Ngôn ngữ Anh		
32	B1606318	Nguyễn Thị Tuyết Lan	09/05/98	FL16V1A2	N	3.49	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
33	B1606329	Huỳnh Thị Yến Nhi	09/05/98	FL16V1A2	N	3.03	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
34	B1606343	Dư Thị Thu Thủy	02/12/97	FL16V1A2	N	3.45	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
35	B1606352	Trương Nguyễn Khánh Tường	15/01/98	FL16V1A2	N	3.15	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
36	B1606356	Đặng Thị Như Ý	19/09/98	FL16V1A2	N	3.14	140	Khá	Ngôn ngữ Anh		
37	S1500044	Huỳnh Bảo Huy	25/03/90	FL15V1A1		3.37	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh		
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Chính quy (bằng đại học thứ 2))											
1	S1300200	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	09/07/86	XH13V1B1	N	3.07	126	Khá	Ngôn ngữ Anh		
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Chính quy (liên thông cao đẳng lên đại học))											
1	C1600111	Lê Thị Nhựt Thanh	26/06/92	FL16V1L1	N	3.15	141	Khá	Ngôn ngữ Anh		
2	C1600259	Lê Hồng Thảo	09/02/89	FL16V1L1	N	2.44	140	Trung bình	Ngôn ngữ Anh		
Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1200823	Trần Anh Văn	16/03/94	NN12X1A9		3.36	160	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
2	B1310195	Lê Thảo Trang	15/06/94	SP13X1A9	N	3.48	153	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		SS
3	B1407386	Lê Hồ Thảo Trang	03/02/96	SP14X1A1	N	3.33	141	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
4	B1508459	Trương Thị Dư	02/03/97	FL15X1A2	N	3.02	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
5	B1508471	Nguyễn Đạt Ngân	11/03/97	FL15X1A2	N	3.62	144	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
6	B1508474	Thạch Thanh Nhân	05/01/97	FL15X1A2	N	2.94	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
7	B1608332	Nguyễn Ngô Gia Bảo	09/06/98	FL16X1A1	N	3.39	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
8	B1608333	Lê Thị Tuyết Băng	21/05/97	FL16X1A1	N	3.50	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
9	B1608334	Trần Thị Ngọc Diễm	20/04/97	FL16X1A1	N	3.44	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
10	B1608336	Nguyễn Thị Ngọc Dung	28/08/98	FL16X1A1	N	3.70	143	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
11	B1608337	Nguyễn Hồ Thùy Dung	07/07/97	FL16X1A1	N	3.63	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
12	B1608339	Võ Thúy Duy	05/07/98	FL16X1A1	N	3.63	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
13	B1608340	Nguyễn Anh Dũng	01/10/98	FL16X1A1		3.55	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
14	B1608342	Nguyễn Thúy Hằng	16/08/97	FL16X1A1	N	3.34	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
15	B1608343	Phan Khổng Huy	10/05/98	FL16X1A1		3.77	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
16	B1608346	Nguyễn Kim Huỳnh	21/08/98	FL16X1A1	N	3.54	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
17	B1608351	Nguyễn Thị Hồng Lê	09/01/98	FL16X1A1	N	3.61	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
18	B1608353	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/10/98	FL16X1A1	N	3.57	150	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
19	B1608354	Trương Nguyễn Thùy Linh	15/10/98	FL16X1A1	N	3.44	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
20	B1608357	Nguyễn Hoàng Anh Lộc	16/04/98	FL16X1A1	N	3.57	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
21	B1608358	Hồ Văn Lụa	01/01/97	FL16X1A1		2.92	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
22	B1608361	Lê Thị Hồng Châu Ngân	18/08/98	FL16X1A1	N	3.48	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
23	B1608365	Trần Minh Nhật	13/12/98	FL16X1A1		3.55	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
24	B1608366	Quách Thị Ngọc Nhi	20/09/97	FL16X1A1	N	3.41	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
25	B1608367	Mai Thị Huỳnh Như	29/08/98	FL16X1A1	N	3.59	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
26	B1608368	Tăng Quốc Phú	19/01/98	FL16X1A1		3.57	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
27	B1608370	Phạm Thị Thu Phương	10/01/98	FL16X1A1	N	3.51	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
28	B1608371	Nguyễn Ngọc Sang	10/01/98	FL16X1A1		3.65	148	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
29	B1608372	Lê Khả Tâm	17/10/98	FL16X1A1	N	3.75	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
30	B1608373	Lê Thị Kim Thảo	24/02/98	FL16X1A1	N	3.59	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
31	B1608374	Nguyễn Trần Diệu Thảo	18/04/98	FL16X1A1	N	3.58	150	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
32	B1608375	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/05/97	FL16X1A1	N	3.35	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
33	B1608376	Phùng Lương Minh Thảo	25/08/98	FL16X1A1	N	3.73	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
34	B1608377	Phạm Hồng Thẩm	01/11/98	FL16X1A1	N	3.29	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
35	B1608378	Nguyễn Thị Anh Thư	25/09/98	FL16X1A1	N	3.67	150	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
36	B1608379	Nguyễn Thị Bảo Trang	19/05/98	FL16X1A1	N	3.76	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
37	B1608380	Dương Thị Bích Trâm	04/11/98	FL16X1A1	N	3.74	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
38	B1608382	Nguyễn Thị Huyền Trân	15/12/98	FL16X1A1	N	3.31	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
39	B1608383	Võ Thanh Trúc	07/05/98	FL16X1A1	N	3.67	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
40	B1608385	Nguyễn Thanh Uyên	15/06/98	FL16X1A1	N	3.47	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
41	B1608386	Võ Thị Cẩm Vân	01/02/96	FL16X1A1	N	3.66	140	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
42	B1608388	Trần Thị Ánh Xuân	05/12/98	FL16X1A1	N	3.06	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
43	B1608389	Vũ Thị Hoàng Yến	14/03/98	FL16X1A1	N	3.73	141	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Anh		
44	B1611039	Lê Hải Nhân	03/04/98	FL16X1A1	N	2.95	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
45	B1611040	Lê Thị Kim Nhung	01/04/98	FL16X1A1	N	3.09	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
46	B1611041	Nguyễn Thị So Phi	09/05/98	FL16X1A1	N	3.38	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
47	B1611042	Ngô Kim Phượng	13/02/97	FL16X1A1	N	2.66	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
48	B1611043	Võ Tấn Sang	29/02/97	FL16X1A1		3.28	143	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
49	B1611053	Nguyễn Thị Phi Yến	19/07/98	FL16X1A1	N	2.86	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
50	C1600194	Lâm Văn Kiệt	12/04/95	FL16X1B1		3.04	142	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
51	C1600196	Danh Wanh Na	16/06/91	FL16X1B1		3.34	146	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh		
52	C1700335	Trần Ngọc Thảo	16/08/94	FL17X1A1	N	2.75	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
53	C1700337	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	31/01/95	FL17X1A1	N	3.00	140	Khá	Sư phạm Tiếng Anh		
Ngành học: Sư phạm Tiếng Pháp (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1407493	Phan Kim Yến	09/02/96	SP14X2A2	N	2.77	140	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
Ngành học: Sư phạm Tiếng Pháp (Hệ Đại học - Chính quy)											

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
2	B1508550	Ngô Thị Ngọc Trân	11/12/97	FL15X2A1	N	2.99	142	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
3	B1608393	Nguyễn Như Cường	16/05/98	FL16X2A1		3.02	147	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
4	B1608405	Lê Kim Loan	07/05/98	FL16X2A1	N	3.46	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
5	B1608406	Phạm Trần Thiên Lý	12/04/98	FL16X2A1	N	3.44	149	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
6	B1608407	Nguyễn Phương Mai	04/05/98	FL16X2A1	N	3.05	140	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
7	B1608408	Nguyễn Hồng Mai	07/03/98	FL16X2A1	N	3.72	146	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp		
8	B1608409	Phạm Ngọc Mai	11/02/98	FL16X2A1	N	3.07	144	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
9	B1608411	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	/ /96	FL16X2A1	N	3.34	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
10	B1608414	Võ Thúy Nhân	15/06/98	FL16X2A1	N	3.21	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
11	B1608415	Cao Thị Tuyết Nhi	16/05/98	FL16X2A1	N	3.60	142	Xuất sắc	Sư phạm Tiếng Pháp		
12	B1608417	Phạm Bá Mỹ Nhi	29/10/98	FL16X2A1	N	2.98	140	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
13	B1608420	Trần Huỳnh Như	22/06/98	FL16X2A1	N	3.25	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
14	B1608423	Bùi Mai Quỳnh	05/08/98	FL16X2A1	N	3.41	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
15	B1608424	Trần Văn Tài	15/12/98	FL16X2A1		3.22	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
16	B1608425	Nguyễn Ngọc Thanh Thanh	21/11/98	FL16X2A1	N	3.09	142	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
17	B1608432	Bạch Bảo Trân	10/10/98	FL16X2A1	N	2.95	140	Khá	Sư phạm Tiếng Pháp		
18	B1608435	Trương Đức Triều	11/01/97	FL16X2A1		3.43	142	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
19	B1608436	Nguyễn Ngọc Tuyền	18/11/97	FL16X2A1	N	3.22	140	Giỏi	Sư phạm Tiếng Pháp		
Ngành học: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Chính quy)											
Chuyên ngành: Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh											
1	B1606157	Võ Thị Hồng Huế	27/03/96	FL16Z8A1	N	3.47	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
2	B1606167	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	28/09/98	FL16Z8A1	N	3.32	143	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
3	B1606172	Nguyễn Thị Khánh Nhi	09/01/98	FL16Z8A1	N	3.47	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
4	B1606174	Nguyễn Hồng Nhung	13/10/98	FL16Z8A1	N	3.53	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
5	B1606183	Nguyễn Trần Hoa Thiên	26/05/97	FL16Z8A1	N	3.46	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
6	B1606186	Ngũ Thượng Thư	16/07/98	FL16Z8A1	N	3.66	148	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
7	B1606187	La Thị Thủy Tiên	09/01/98	FL16Z8A1	N	3.36	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
8	B1606188	Huỳnh Nguyễn Thiên Trang	08/02/98	FL16Z8A1	N	3.29	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
9	B1606192	Trịnh Mỹ Trinh	10/04/97	FL16Z8A1	N	3.60	148	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
10	B1606203	Nguyễn Khánh Duy	12/05/98	FL16Z8A1	N	3.26	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
11	B1606218	Cao Thị Thanh Ngân	19/10/98	FL16Z8A1	N	3.59	145	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
12	B1606286	Lê Khắc Sinh	08/12/98	FL16Z8A1		3.61	143	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
13	B1606298	Cao Thị Bích Tuyền	26/04/98	FL16Z8A1	N	3.92	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
14	B1606299	Nguyễn Thị Mai Tươi	06/01/98	FL16Z8A1	N	3.67	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
15	B1606303	Phạm Thị Hải Yến	18/12/98	FL16Z8A1	N	3.49	140	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
16	B1606306	Nguyễn Thị Ngọc Châu	24/06/98	FL16Z8A1	N	3.45	141	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
17	B1606308	Đoàn Thị Thùy Dung	27/05/98	FL16Z8A1	N	3.48	142	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
18	B1606312	Lê Thị Minh Hạnh	26/03/98	FL16Z8A1	N	3.46	143	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
19	B1606315	Đoàn Thị Hơ	06/01/98	FL16Z8A1	N	3.47	143	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
20	B1606320	Tô Thị Mỹ Linh	21/10/98	FL16Z8A1	N	3.56	144	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
21	B1606322	Đặng Thị Mỹ Miều	21/06/98	FL16Z8A1	N	3.77	143	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
22	B1606330	Nguyễn Thị Ý Nhi	04/06/97	FL16Z8A1	N	2.97	140	Khá	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
23	B1606332	Lâm Thị Mỹ Nhung	02/07/98	FL16Z8A1	N	3.13	140	Khá	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
24	B1606335	Lê Ngọc Phụng	12/06/98	FL16Z8A1	N	3.88	142	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
25	B1606339	Nguyễn Hồng Sơn	14/01/98	FL16Z8A1		3.10	140	Khá	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
26	B1606345	Hà Ngọc Tiên	04/06/98	FL16Z8A1	N	3.84	143	Xuất sắc	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
27	S1500053	Võ Minh Trí	/ /85	FL15Z8A1		2.84	146	Khá	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	
Ngành học: Ngôn ngữ Pháp (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1510022	Lý Duy Lâm	20/10/97	FL15Z9A2	N	2.44	140	Trung bình	Ngôn ngữ Pháp		
2	B1609865	Huỳnh Kim Ngọc Khánh	30/11/98	FL16Z9A1	N	3.31	147	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
3	B1609868	Võ Lê Trúc Lam	08/01/98	FL16Z9A1	N	3.84	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp		
4	B1609869	Hồng Nguyệt Linh	19/10/98	FL16Z9A1	N	2.93	152	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
5	B1609870	Huỳnh Tân Lực	16/12/98	FL16Z9A1		3.44	144	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
6	B1609877	Huỳnh Thị Yến Nhi	01/10/98	FL16Z9A1	N	2.87	141	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
7	B1609878	Nguyễn Hồng Nhi	10/06/98	FL16Z9A1	N	3.24	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
8	B1609880	Lại Thị Huỳnh Như	17/12/98	FL16Z9A1	N	3.03	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
9	B1609882	Mai Nguyệt Quế	03/08/98	FL16Z9A1	N	3.42	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
10	B1609884	Nguyễn Quang Sang	07/09/98	FL16Z9A1		3.75	147	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		Hạ bậc
11	B1609887	Phan Nguyễn Duyên Thảo	23/08/98	FL16Z9A1	N	3.16	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
12	B1609889	Nguyễn Trang Anh Thư	09/07/97	FL16Z9A1	N	3.06	142	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
13	B1609890	Nguyễn Thủy Tiên	10/04/98	FL16Z9A1	N	3.73	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp		
14	B1609891	Nguyễn Thị Kim Tín	12/08/98	FL16Z9A1	N	3.38	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
15	B1609893	Nguyễn Thanh Trúc	16/06/98	FL16Z9A1	N	2.86	144	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
16	B1609896	Trần Lâm Tường Vi	21/04/98	FL16Z9A1	N	3.13	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
17	B1609897	Đỗ Kim Xuân	08/12/98	FL16Z9A1	N	2.87	147	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
18	B1609898	Vũ Ngọc Ngân Anh	22/01/98	FL16Z9A1	N	2.86	144	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
19	B1609899	Nguyễn Châu Hữu Bằng	09/09/98	FL16Z9A1		3.69	147	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp		
20	B1609904	Lê Thị Hiền Hậu	21/08/98	FL16Z9A1	N	3.32	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
21	B1609905	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/08/98	FL16Z9A1	N	3.67	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp		
22	B1609908	Cao Ngọc Yến Khoa	01/05/98	FL16Z9A1	N	3.42	147	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
23	B1609909	Huỳnh Thanh Kiều	17/06/98	FL16Z9A1	N	3.63	140	Xuất sắc	Ngôn ngữ Pháp		
24	B1609913	Cao Dương Thu Ngân	20/07/98	FL16Z9A1	N	2.88	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
25	B1609920	Phan Châu Nhi	04/04/98	FL16Z9A1	N	2.75	144	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
26	B1609921	Đào Thị Huỳnh Như	20/07/98	FL16Z9A1	N	3.13	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
27	B1609924	Lương Thị Hồng Quyên	01/01/98	FL16Z9A1	N	3.16	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
28	B1609926	Huỳnh Thị Phát Tài	02/07/98	FL16Z9A1	N	3.42	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
29	B1609934	Phạm Thị Diễm Trinh	22/11/98	FL16Z9A1	N	3.36	140	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		
30	B1609935	Nguyễn Lam Tuyền	20/11/98	FL16Z9A1	N	2.95	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
31	B1609936	Thái Hồng Tươi	11/05/96	FL16Z9A1	N	3.14	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
32	B1609937	Trần Tố Uyên	02/10/98	FL16Z9A1	N	3.15	140	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
33	B1609938	Trần Tường Vy	15/02/98	FL16Z9A1	N	3.46	147	Giỏi	Ngôn ngữ Pháp		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: FL2L4

Trang 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
34	B1611139	Mai Hồng Hạnh	01/05/98	FL16Z9A1	N	2.97	144	Khá	Ngôn ngữ Pháp		
35	B1611141	Phùng Thị Tường Vy	16/11/98	FL16Z9A1	N	2.95	147	Khá	Ngôn ngữ Pháp		

Tổng số danh sách: **174** sinh viên**Phó Trưởng Khoa Ngoại ngữ****Trưởng phòng công tác sinh viên**

Ngày 04 tháng 08 năm 2020

Trưởng phòng đào tạo